| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 445/2023/HC-PT
Ngày: 21 - 6 - 2023
V/v khiếu kiện quyết định, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Chung Văn Kết

*Các Thẩm phán:* Ông Phạm Công Mười

Bà Lê Thúy Cầu

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Thới Ngọc Bắc - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa***: Ông Vũ Thanh Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 906/2022/TLPT-HC ngày 19 tháng 12 năm 2022 về "Khiếu kiện quyết định, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 49/2022/HC-ST ngày 27 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Q bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2701/2023/QĐPT ngày 01 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

*1. Người khởi kiện:*

1.1. Ông Võ Đình E, sinh năm 1954; (vắng mặt)

1.2. Bà Nguyễn Thị Thanh R, sinh năm 1959; (vắng mặt)

Cùng nơi cư trú: Khu phố 3, phường MN, Thành phố PT, tỉnh Q; Địa chỉ liên hệ: Số 66 NC, phường MN, Thành phố PT, tỉnh Q.

*Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện:* Bà Phạm Thị Minh Hoàng, sinh năm 1979 (theo giấy ủy quyền ngày 24/9/2021 tại Văn phòng công chứng Nguyễn Dần); Nơi cư trú: Số 66 NC, phường MN, thành phố PT, tỉnh Q (có mặt).

*2. Người bị kiện:*

2.1. Ủy ban nhân dân thành phố PT;

2.2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố PT;

*Đại diện theo pháp luật:* ông Phan Nguyễn Hoàng Tân - Chủ tịch.

*Đại diện theo ủy quyền:* Ông Lê Thanh Sơn - Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân thành phố PT (văn bản ủy quyền số 5210 ngày 15/9/2022, có mặt).

*3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Q;

*Đại diện theo pháp luật:* ông Nguyễn Nam Chinh - Giám đốc

*Đại diện theo ủy quyền*: bà Bùi Thị Hồng Thủy – Chuyên viên Phòng quản lý quỹ đất, Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Q (Giấy ủy quyền số 201/UQ-PTQĐ ngày 31/3/2022) (vắng mặt)

3.2. Ủy ban nhân dân phường MN;

*Đại diện theo pháp luật:* Ông Bùi Ngọc Lâm - Chủ tịch

*Đại diện theo ủy quyền:* ông Nguyễn Hữu Nam – Cán bộ địa chính phường MN (theo văn bản ủy quyền số 1619/UBND ngày 22/9/2022, vắng mặt);

3.3. Bà Võ Nguyễn Thanh T, sinh năm 1982; (vắng mặt)

3.4. Bà Võ Nguyễn Thanh Y, sinh năm 1987; (vắng mặt)

3.5. Ông Võ Nguyễn Trí U, sinh năm 1990; (vắng mặt)

3.6. Bà Võ Nguyễn Thanh O, sinh năm 1992; (vắng mặt)

*Người đại diện theo ủy quyền của bà Thanh T, bà Thanh Y, ông Trí U, bà Thanh O:* Bà Phạm Thị Minh Hoàng, sinh năm 1979 (theo giấy ủy quyền ngày 11/2/2022 tại Văn phòng công chứng Nguyễn Dần, có mặt);

*4. Người kháng cáo:* người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố PT.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa đại diện cho người khởi kiện trình bày:*

Gia đình ông Võ Đình E và bà Nguyễn Thị Thanh R có chuyển nhượng phần đất của người dân khai hoang trước năm 2004 tại xã Thiện Nghiệp và phường Hàm Tiến, Tp. PT. Sau khi mua thì gia đình ông Đình E, bà Thanh R tiếp tục trồng Đào và Keo lá tràm. Đến năm 2006 thì bị Ủy ban nhân dân thành phố PT ban hành thu hồi đất gồm các quyết định: Quyết định số 10.366/QĐ-UBND ngày 23/10/2006 thu hồi đất của hộ bà Thanh R với diện tích 19.718m$^2$; Quyết định số 10.334/QĐ-UBND ngày 23/10/2006 thu hồi đất của hộ ông Đình E với diện tích 18.998m$^2$; Quyết định số 10.020/QĐ-UBND ngày 28/12/2007 thu hồi đất của hộ ông Đình E với diện tích 3.678m$^2$. Tổng diện tích đất bị thu hồi là 42.394m$^2$. Trên đất có trồng trên 2000 (hai nghìn) cây keo lá tràm.

Phía Ủy ban nhân dân thành phố PT cho rằng gia đình ông Đình E, bà Thanh R không phải là hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp nên không bồi thường về đất.

Gia đình ông bà đã gửi đơn đến Ủy ban nhân dân thành phố PT xem xét lại vì thực tế ông bà là hộ trực tiếp sản xuất đất nông nghiệp nên đề nghị áp giá đền bù lại cho đúng. Việc Ủy ban nhân dân thành phố PT không tiến hành kiểm tra mẫu kê khai xác nhận hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp của Ủy ban nhân dân phường MN ngày 23/11/2012 là không đúng, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông. Tại mẫu kê khai ông Đình E có nêu thu nhập từ nông nghiệp là 83.000.000 đồng nhưng Uỷ ban nhân dân phường MN không xem xét, chỉ căn cứ vào việc bà Thanh R bán vé số.

Nay phía người khởi kiện ông Đình E, bà Thanh R yêu cầu giải quyết:

- Hủy Công văn số 5293/UBND-NC ngày 17/9/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố PT;

- Hủy Quyết định hành chính số 2428/QĐ-UBND ngày 30/6/2014 của Ủy ban nhân dân thành phố PT về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ thiệt hại cho hộ ông Võ Đình E và bà Nguyễn Thị Thanh R, Dự án xây dựng công trình và sử dụng quỹ đất 02 bên đường ĐT 706 B.

- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố PT thực hiện hành vi hành chính phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ thiệt hại cho hộ ông Võ Đình E và bà Nguyễn Thị Thanh R, đối với phần đất bị thu hồi để thực hiện Dự án xây dựng công trình và sử dụng quỹ đất 02 bên đường ĐT 706 B với điều kiện hộ ông Đình E, bà Thanh R đủ điều kiện bồi thường và hỗ trợ theo quy định pháp luật

*Tại phiên tòa sơ thẩm, phía người khởi kiện có thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện:*

- Rút lại yêu cầu về việc buộc người bị kiện thực hiện hành vi hành chính.

- Giữ nguyên yêu cầu hủy Công văn số 5293/UBND-NC ngày 17/9/2021 và Quyết định hành chính số 2428/QĐ-UBND ngày 30/6/2014 của Ủy ban nhân dân thành phố PT.

** Đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Uỷ ban nhân dân thành phố PT, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân thành phố PT tại phiên tòa trình bày:*

- Đối quyết định số 2428/QĐ-UBND ngày 30/6/2014 của Uỷ ban nhân dân thành phố PT: Dự án xây dựng công trình và sử dụng quỹ đất 2 bên đường 706 b thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất theo quy định tại Điều 38 Luật đất đai năm 2003. Trên cơ sở đó, Uỷ ban nhân dân thành phố PT ban hành quyết định thu hồi đất của hộ ông Võ Đình E để thực hiện dự án đúng thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 44 Luật đất đai năm 2003. Căn cứ kết quả tính pháp lý của phường Hàm Tiến, Kết luận của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thành phố (gọi tắt là hội đồng bồi thường) kết luận việc Uỷ ban nhân dân thành phố PT ban hành quyết định số 2428/QĐ-UBND ngày 30/6/2014 phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ thiệt hại cho hộ ông Võ Đình E và bà Nguyễn Thị Thanh R thuộc dự án công trình đường và sử dụng quỹ đất 2 bên đường 706B là đúng thẩm quyền theo Luật đất đai năm 2003; Nghị định 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004; Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007; Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ; Quyết định số 1566/QĐ-UBND ngày 16/6/2006 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Q; Quyết định số 2895/QĐ-UBND ngày 11/8/2005 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Q về việc phê duyệt tổng thể phương án bồi thường thiệt hại, giải phóng mặt bằng để xây dựng công trình sử dụng quỹ đất hai bên đường 706B; Quyết định số 28/2010/QĐ-UBND ngày 22/6/2010 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Q về việc ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khu Nhà nước thu hồi đất.

*Về nội dung:*

- Đối hồ sơ bà Nguyễn Thị Thanh R: ngày 23/10/2006, Uỷ ban nhân dân thành phố PT ban hành quyết định số 10366/QĐ-UBND thu hồi diện tích 19.718 $m^2$ thuộc thửa đất số 24/18.296 $m^2$, thửa 24A/1422 $m^2$ tờ bản đồ số 06.

Về nguồn gốc pháp lý đất đai: ngày 28/9/2011 Uỷ ban nhân dân phường Hàm Tiến họp xét nguồn gốc đất (tại giấy xác nhận số 11/GXN) do ông Đặng Hồng Công và bà Nguyễn Thị Đính khai hoang làm rẫy năm 1997, canh tác sử dụng đến ngày 01/4/2004 chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị Thanh R. Sau khi nhận chuyển nhượng bà Thanh R tiến hành trồng cây lâu năm và sử dụng ổn định cho đến thời điểm thu hồi, không có tranh chấp.

- Đối hồ sơ ông Võ Đình E: ngày 23/10/2006, Uỷ ban nhân dân thành phố PT ban hành Quyết định số 10334/QĐ-UBND và ngày 28/12/2007, Uỷ ban nhân dân

thành phố PT ban hành Quyết định số 10020/QĐ-UBND thu hồi diện tích đất 22.676 $m^2$ thuộc thửa số 18C/18.998 $m^2$. Thửa số 30/3.678 $m^2$ tờ bản đồ số 07.

Về nguồn gốc pháp lý đất đai: ngày 08/10/2012 và ngày 05/10/2012 Uỷ ban nhân dân phường Hàm Tiến họp xét nguồn gốc đất (tại giấy xác nhận số 129/GXN và số 120/GXN) diện tích 18.998 $m^2$ do ông Đặng Văn Hùng bà Nguyễn Thị Chút khai hoang làm rẫy từ năm 1997, canh tác đến ngày 09/4/2003 chuyển nhượng lại cho ông Võ Đình E bằng giấy tay. Sau khi nhận chuyển nhượng ông Đình E tiến hành trồng cây lâu năm. Sử dụng ổn định, liên tục không tranh chấp. Diện tích 3.678 $m^2$ do ông Phùng Thanh Long tác động vào năm 1995, canh tác trồng đào đến năm 2003 chuyển nhượng cho ông Võ Đình E. Sau khi nhận chuyển nhượng ông Đình E tiếp tục canh tác sử dụng cho đến thời điểm thu hồi.

- Về xác nhận hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp: ngày 20/9/2012 Uỷ ban nhân dân phường Hàm Tiến xác nhận hộ ông Võ Đình E có trực tiếp canh tác, sản xuất nông nghiệp trên diện tích đất bị thu hồi; ngày 23/11/2012 Uỷ ban nhân dân phường MN xác nhận hộ gia đình cá nhân bà Nguyễn Thị Thanh R không trực tiếp sản xuất nông nghiệp.

Trên cơ sở kết quả xác nhận tính pháp lý, xác nhận hỗ trợ trực tiếp sản xuất nông nghiệp; ngày 10/9/2013, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thành phố kết luận: Đất không đủ điều kiện bồi thường, vì không phải là hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp; cây cối hoa màu đủ điều kiện bồi thường.

Căn cứ kết luận của Hội đồng bồi thường thành phố, ngày 30/6/2014, Uỷ ban nhân dân thành phố PT ban hành Quyết định số 2428/QĐ-UBND ngày 30/6/2014 phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ thiệt hại cho hộ ông Võ Đình E và bà Nguyễn Thị Thanh R thuộc dự án xây dựng công trình đường và sử dụng quỹ đất 2 bên đường 706 B với số tiền là 181.280.000 đồng.

Tiêu chí để xác định hộ sản xuất nông nghiệp thì có 02 tiêu chí: thứ nhất hộ gia đình đó phải trực tiếp sản xuất nông nghiệp; thứ hai hộ gia đình đó được Ủy ban nhân dân phường cấp xã nơi hộ gia đình cư trú xác nhận là hộ sản xuất nông nghiệp thì mới được xác nhận là hộ sản xuất nông nghiệp.

Đối công văn số 5293/UBND-NC ngày 17/9/2021 của Uỷ ban nhân dân thành phố PT:

Căn cứ đơn đề ngày 31/5/2021 của ông Võ Đình E và bà Nguyễn Thị Thanh R, thường trú khu phố 3, phường MN, thành phố PT, tỉnh Q có nội dung: “Kiến nghị Uỷ ban nhân dân thành phố xem xét lại Quyết định số 2428/QĐ-UBND ngày 30/6/2014 của Uỷ ban nhân dân thành phố PT về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ

thiệt hại cho hộ ông Võ Đình E, bà Nguyễn Thị Thanh R, dự án xây dựng công trình và sử dụng quỹ đất hai bên đường ĐT.706B, vì gia đình ông Đình E và bà Thanh R là hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp và không có ai là cán bộ, công chức và hưởng lương từ ngân sách Nhà nước"

Căn cứ mẫu kê khai xác nhận hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp của hộ ông Võ Đình E được Uỷ ban nhân dân phường MN xác nhận ngày 23/11/2012 có nội dung "*hộ bà Nguyễn Thị Thanh R không trực tiếp sản xuất nông nghiệp"*. Ngày 10/9/2013, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thành phố PT kết luận: "Đất không đủ điều kiện bồi thường (vì không phải là hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp); cây cối, hoa màu đủ điều kiện bồi thường theo quy định".

Căn cứ kết luận Hội đồng bồi thường, hỗ trợ tái định cư thành phố PT, ngày 30/6/2014, Uỷ ban nhân dân thành phố PT ban hành Quyết định số 2428/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án kinh phí bồi thường, hỗ trợ thiệt hại cho hộ ông Võ Đình E, thuộc dự án Xây dựng công trình đường và sử dụng quỹ đất 2 bên đường DT.706B là đúng quy định pháp luật; Do đó, Uỷ ban nhân dân thành phố PT ban hành Công văn 5293/UBND-NC ngày 17/9/2021 nêu trên là đúng quy định pháp luật.

Vì vậy Uỷ ban nhân dân thành phố PT đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính bác yêu cầu khởi kiện của ông Võ Đình E.

** Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân phường MN:*

Thống nhất với theo Công văn số 2320/STNMT-CCQLDĐ ngày 09 tháng 8 năm 2012 của Sở Tài nguyên và Môi trường tại mục *"II. Các đối tượng sau được xác định là hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp thuộc trường hợp giao đất nông nghiệp không thu tiền" và tại mục "III. Thẩm quyền xác nhận của UBND cấp xã nơi có đất bị thu hồi và UBND cấp xã nơi có hộ khẩu thường trú (trường hợp đất sản xuất nông nghiệp bị thu hồi ngoài nơi đăng ký hộ khẩu thường trú"* đã kết luận "Hộ gia đình, cá nhân có đất bị thu hồi trực tiếp hoặc không trực tiếp sản xuất nông nghiệp". Uỷ ban nhân dân phường MN căn cứ vào hướng dẫn tại Công văn số 2320/STNMT-CCQLDĐ ngày 09 tháng 8 năm 2012 của Sở Tài nguyên và Môi trường nên kết luận hộ bà Nguyễn Thị Thanh R không trực tiếp sản xuất nông nghiệp là có căn cứ.

** Ý kiến của Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Q:* Giữ nguyên nội dung ý kiến tại Văn bản số 1346/PTQĐ-QLQĐ ngày 16/12/2021 về việc cung cấp tài liệu, chứng cứ hồ sơ bồi thường của hộ ông Võ Đình E và bà Nguyễn Thị Thanh R thuộc dự án xây dựng công trình đường và sử dụng quỹ đất 02 bên đường ĐT 706B.

** Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 49/2022/HC-ST ngày 27 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Q, quyết định:*

*Căn cứ:* Khoản 3, khoản 4, khoản 9 Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 3 Điều 32, Điều 38, khoản 2 Điều 56, điểm a khoản 2 Điều 116, Điều 131, Điều 191, điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính; Khoản 6 Điều 210 Luật Đất đai năm 2013; Điều 4 Luật ban hành văn bản năm 2014; Khoản 1 Điều 18; Điều 27; 29; 30 và 31 của Luật khiếu nại; Điều 348 Luật Tố tụng hành chính, khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

*Tuyên xử:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Đình E, bà Nguyễn Thị Thanh R:

- Hủy Quyết định hành chính số 2428/QĐ-UBND ngày 30/6/2014 của Ủy ban nhân dân thành phố PT về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ thiệt hại cho hộ ông Võ Đình E và bà Nguyễn Thị Thanh R, Dự án xây dựng công trình và sử dụng quỹ đất 02 bên đường ĐT 706B.

- Hủy Công văn số 5293/UBND-NC ngày 17/9/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố PT;

- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố PT thực hiện nhiệm vụ công vụ theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

Ngày 11/10/2022, người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố PT kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm và đề nghị sửa án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu khởi kiện.

** Tại phiên tòa phúc thẩm:*

- Người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố PT giữ nguyên nội dung kháng cáo, cho rằng phần đất thu hồi không đủ điều kiện bồi thường do người khởi kiện không trực tiếp canh tác, sản xuất trên phần đất bị thu hồi.

- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có quan điểm: Phía người bị kiện kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, quan điểm của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét thấy:*

[1]. Về tố tụng: Tại phiên tòa, những người được Tòa triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng và có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 157 và

Điều 158 Luật Tố tụng Hành chính, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt theo quy định.

[2]. Xét kháng cáo của người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố PT.

[2.1]. Xét về tính hợp pháp của Quyết định 2428/QĐ-UBND ngày 30/6/2014 và Công văn số 5293/UBND-NC ngày 17/9/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Phan Thiế, thấy rằng:

Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành các quyết định hành chính bị khởi kiện đều phù hợp với quy định pháp luật. Đồng thời đều là đối tượng khởi kiện và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 3, khoản 3, khoản 4 Điều 32 Luật tố tụng hành chính.

[2.2]. Về nguồn gốc, quá trình quản lý sử dụng đất, hồ sơ thể hiện:

*Về nguồn gốc đất*: Ông Võ Đình E và bà Nguyễn Thị Thanh R là vợ chồng, hộ ông bà có 04 người con (Võ Nguyễn Thanh T, Võ Nguyễn Thanh Y, Võ Nguyễn Trí U và Võ Nguyễn Thanh O);

Năm 2004, bà Thanh R nhận chuyển nhượng của ông Đặng Hồng Công và bà Nguyễn Thị Đính đất khai hoang làm rẫy diện tích 19.718m$^2$ (giấy xác nhận số 11/GXN; Còn phần đất thu hồi của ông Đình E diện tích 22.676 m$^2$ thuộc thửa số 18C/18.998 m$^2$ và thửa số 30/3.678 m$^2$ tờ bản đồ số 07 là ông nhận chuyển nhượng của ông Đặng Văn Hùng bà Nguyễn Thị Chút khai hoang làm rẫy từ năm 1997. Sau khi nhận chuyển nhượng hộ ông Đình E, bà Thanh R tiến hành trồng cây lâu năm và sử dụng ổn định cho đến thời điểm thu hồi, không có tranh chấp.

[2.3]. Về căn cứ pháp lý xác định hộ gia đình ông Đình E, bà Thanh R có trực tiếp canh tác phần diện tích đất bị thu hồi, thấy rằng:

- Ngày 20/9/2012 Uỷ ban nhân dân phường Hàm Tiến xác nhận hộ ông Võ Đình E có trực tiếp canh tác, sản xuất nông nghiệp trên diện tích đất bị thu hồi;

- Trong mẫu kê khai và xác nhận hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp, Uỷ ban nhân dân phường Hàm Tiến cũng xác nhận hộ ông Võ Đình E có trực tiếp canh tác, sản xuất nông nghiệp trên đất bị thu hồi, tổng thu nhập là 126.900.000 đồng/năm, trong đó thu nhập từ sản xuất nông nghiệp là 83.700.000 đồng/năm, thu nhập từ bà Thanh R bán vé số 28.800.000 đồng/năm. Như vậy, hộ gia đình ông Đình E, bà Thanh R có thu nhập từ lao động sản xuất nông nghiệp không phải như lời trình bày của người bị kiện.

- Tại Biên bản kiểm kê cây trái, hoa màu trên phần đất bị thu hồi và Bảng tính toán giá trị bồi thường hỗ trợ thể hiện có 1.136 cây (Đào, Keo lá tràm có độ tuổi từ

04 đến 10 năm) và số tiền hộ ông Đình E, bà Thanh R được bồi thường 181.280.000 đồng.

[2.4]. Từ những phân tích và chứng cứ nêu trên cho thấy việc người bị kiện Uỷ ban nhân dân thành phố PT ban hành Quyết định số 2428/QĐ-UBND ngày 30/6/2014 không chấp nhận bồi thường, hỗ trợ về đất cho hộ ông Đình E, bà Thanh R với lý do "*Hộ ông Đình E, bà Thanh R không trực tiếp sản xuất nông nghiệp"* là không phù hợp với chứng cứ, tài liệu về hồ sơ thu hồi, bồi thường đã thu thập được, làm ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của hộ ông Đình E, bà Thanh R.

Án sơ thẩm tuyên hủy Quyết định số 2428/QĐ-UBND ngày 30/6/2014 và Công văn số 5293/UBND-NC ngày 17/9/2021 của người bị kiện Uỷ ban nhân dân thành phố PT, buộc người bị kiện thực hiện nhiệm vụ công vụ theo quy định của pháp luật là có căn cứ.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đề nghị không chấp nhận kháng cáo của người bị kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp.

[3]. Về án phí hành chính phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên người bị kiện Uỷ ban nhân dân thành phố PT phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[4]. Các phần khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật tố tụng hành chính; Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Bác kháng cáo của người bị kiện Uỷ ban nhân dân thành phố PT. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 49/2022/HC-ST ngày 27 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Q.

*Tuyên xử:*

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Đình E, bà Nguyễn Thị Thanh R;

- Hủy Quyết định hành chính số 2428/QĐ-UBND ngày 30/6/2014 của Ủy ban nhân dân thành phố PT về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ thiệt hại cho hộ ông Võ Đình E và bà Nguyễn Thị Thanh R, Dự án xây dựng công trình và sử dụng quỹ đất 02 bên đường ĐT 706B và hủy Công văn số 5293/UBND-NC ngày 17/9/2021

của Ủy ban nhân dân thành phố PT;

- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố PT thực hiện nhiệm vụ công vụ theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí hành chính phúc thẩm: Ủy ban nhân dân thành phố PT phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng; nhưng được đối trừ theo Biên lai thu tiền số 0008444 ngày 02/11/2022 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Q, đương sự đã nộp đủ tiền.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Q;
- VKSND tỉnh Q;
- Cục THADS tỉnh Q;
- NKK;
- NBK;
- NCQL&NVLQ;
- Lưu: HS, VP, 17bTNB.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Chung Văn Kết**